THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

VÀI NÉT VỀ DÒNG TU CÔNG GIÁO

NGUYỄN PHÚ LỢI(*)

1. Khái niệm

Tổ chức Giáo hội Công giáo được chia thành hai hệ thống chính: Dòng và Triều. *Triều* là hệ thống tổ chức mang tính chất hành chính điều khiển mọi hoạt động của Giáo hội. *Dòng* là hệ thống tổ chức mang tính chất như ngành chuyên môn, vừa lo đào sâu giáo lí, truyền giáo, vừa lo phát triển đạo và tạo điều kiện cho triều trong các hoạt động tông đồ. Dòng tu là thuật ngữ dùng để chỉ các hình thức tổ chức tu trì của giới tu sĩ Công giáo. Theo sự giải thích của Phan Tấn Thành trong cuốn *Dân Thiên Chúa* (Giải thích quyển II giáo luật), đó là một danh từ dùng để chỉ cái tổ chức mà các tu sĩ gia nhập hay "Dòng tu để chỉ tất cả các tổ chức quy tụ những người sống đời tận hiến"(1). Tổ chức tu trì Công giáo rất đa dạng, phong phú, có nhiều hình thức khác nhau, như *tu hội dòng* (dòng tu), *tu hội đời* và *tu đoàn tông đồ*. Do đó cần làm rõ nội hàm và ngoại diên của các khái niệm này để có cái nhìn khái quát về đời sống tu trì Công giáo.

Dòng tu hay *tu hội dòng* là một hình thức tổ chức đời sống tận hiến hay thánh hiến (hiến dâng trọn vẹn) của người tu sĩ cho Thiên Chúa được giáo quyền phê chuẩn một cách hợp pháp. Điều 607 Giáo luật năm 1983 xác định: "Hội dòng là một xã hội, trong đó các thành viên tuyên giữ các lời khấn công vĩnh viễn hay tạm thời, nhưng họ phải tuyên khấn lại khi mãn hạn, tùy theo luật riêng và sống chung đời huynh đệ. Việc các tu sĩ phải làm chứng công khai cho Đức Kitô và cho Giáo hội bao hàm sự xa cách thế gian là điều hợp với đặc tính và mục tiêu của mỗi tu hội"(2). Trong dòng tu, các tu sĩ theo đuổi sự hoàn thiện đời sống đức tin Kitô giáo, theo luật riêng của dòng bằng cách tuyên xưng các lời khấn Phúc Âm một cách công khai, vĩnh viễn (trọn đời) hay khấn tạm thời, nhưng lặp lại (nhắc lại) lời khấn sau một khoảng thời gian nhất định tùy theo luật của mỗi dòng. Các hội viên sống chung thành cộng đoàn trong các tu viện hay đan viện, xa cách đời sống trần thế, họ coi nhau như anh em trong một gia đình lớn. Tu sĩ của các hội dòng có lời khấn công khai. Đó là lời khấn được giáo quyền tổ chức một cách công khai qua nghi thức khấn dòng cũng như nghi thức thụ phong linh mục của hàng giáo sĩ. Tu sĩ các dòng phải tuân thủ một lối sống nghiêm ngặt theo luật dòng, sống chung trong tình anh em tại các tu viện hay đan viện và có tu phục riêng để phân biệt giữa các dòng. Dòng tu là hình thức tổ chức tu trì cơ bản và quan trọng nhất của Giáo hội Công giáo. Chính vì vậy, khi nói đến đời sống tu trì người ta thường đồng nhất với dòng tu, mặc dù còn nhiều hình thức tổ chức tu tập khác nữa.

*. TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tu hội đời (còn gọi là *tu hội triều*), là một hình thức tổ chức sống đời tận hiến (trọn vẹn) của giáo sĩ hoặc giáo dân dành cho Thiên Chúa, giáo hội và nhân loại, trong đó các hội viên khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm ở giữa đời thường, trong xã hội trần thế. Điều 710 Giáo luật năm 1983 xác định: "Tu hội đời là một tu hội thánh hiến, trong đó các tín hữu sống giữa thế giới cố gắng vươn tới sự hoàn hảo của đức ái và góp phần vào việc thánh hóa thế giới một cách đặc biệt từ bên trong"[3]. Mục đích của hình thức tổ chức tu trì này nhằm giúp cho các hội viên có khả năng đạt đến sự hoàn thiện của đức tin Kitô giáo và làm việc tông đồ có hiệu quả. Tu hội đời khác tu hội dòng ở chỗ, mặc dù các hội viên có lời khấn hay lời hứa, nhưng không phải là lời khấn công mà là lời khấn tư. Đó là lời khấn không qua nghi thức khấn dòng công khai như tu sĩ của các dòng tu. Tu hội đời khác tu hội dòng và tu đoàn tông đồ ở chỗ, các hội viên không có đời sống chung trong các tu viện hay đan viện và không có tu phục riêng[4]. Đây là hình thức "tu tại gia", nghĩa là các tu sĩ không sống chung với nhau thành cộng đoàn trong các tu viện hay đan viện, họ không có tu phục riêng như các tu sĩ dòng mà họ sống giữa đời thường, hoạt động tông đồ theo lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn của mình[5]. Dù không sống chung theo cộng đoàn tại tu viện hay đan viện, song thành viên của các tu hội đời vẫn sinh hoạt chung trong một tổ chức tu đoàn bằng tình huynh đệ. Đó chính là sợi dây gắn kết các thành viên lại với nhau trong tu hội ở giữa đời thường.

Tu đoàn tông đồ hay *các hội tông đồ*. Sở dĩ gọi là tu đoàn tông đồ mà không gọi là tu hội dòng là vì thành viên của các tu đoàn không có lời khấn dòng. Đây là một loại hình tổ chức tu trì dành cho giáo sĩ hoặc giáo dân. Mục tiêu chủ yếu của các tu đoàn này là làm việc tông đồ (cai quản làm mục vụ, dạy giáo lí, truyền giáo và làm việc bác ái xã hội nhằm khuếch trương ảnh hưởng của đạo Kitô ra ngoài xã hội hướng tới việc truyền giáo phát triển đạo). Giáo luật năm 1917 gọi đây là "những tu đoàn sống chung không có lời khấn". Điều 731 Giáo luật năm 1983 xác định: "Bên cạnh các tu hội thánh hiến là các tu đoàn tông đồ, mà các thành viên theo đuổi mục đích tông đồ riêng của tu đoàn, dù không có lời khấn dòng, và sống chung như anh chị em theo lối sống riêng, để vươn tới sự hoàn hảo của đức ái qua việc tuân giữ hiến pháp. Trong số các tu đoàn này, có những tu đoàn mà thành viên đảm nhận các lời khuyên Phúc Âm bằng một mối ràng buộc nào đó do hiến pháp quy định"[6]. Nét đặc trưng của các tu đoàn tông đồ là theo đuổi sự trọn lành của đức ái, có đời sống chung và làm việc tông đồ[7]. Các hội tông đồ cũng có đời sống cộng đoàn chung, có tu phục riêng giống như các dòng tu, nhưng họ không có lời khấn, nói đúng hơn là họ không có nghi thức khấn dòng. Tuy nhiên, tu sĩ thuộc các tu đoàn tông đồ vẫn tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm qua việc làm tông đồ.

Trong các hình thức nêu trên, dòng tu là loại hình cơ bản và quan trọng nhất của tổ chức tu trì Công giáo. Ở nước ta, các hình thức tổ chức tu trì được gọi là *dòng tu*, nhằm nói lên tính chất gia đình (dòng họ, dòng dõi) của các nhà tu coi nhau như một gia tộc. Theo quan niệm của Giáo hội, "Dòng tu được hình thành bởi những người cùng chia sẻ một lí tưởng như nhau (được phát biểu qua ý định của người sáng lập) trong việc phục vụ Chúa và đồng loại"[8] qua việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm. Đó là tổ chức của những người muốn đạt tới sự hoàn thiện đức tin, sống trọn vẹn và cao độ Tin mừng của Chúa Kitô nhờ giữ ba lời

khuyên Phúc Âm: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục; là tổ chức của các tín hữu, giáo sĩ hoặc giáo dân được giáo quyền thừa nhận. Trong đó, các Kitô hữu có thể sống chung với nhau trong một tu viện hay một đan viện, cũng có thể sống giữa đời thường, nhưng cùng theo một lề luật chung, họ xem nhau như anh em trong một gia đình lớn và cùng hướng đến một mục đích chung duy nhất là nhằm thực hiện ý nguyện của người sáng lập dòng để phục vụ cho Thiên Chúa, Giáo hội và nhân loại.

Như vậy, dòng tu, nói đúng hơn, các tổ chức tu trì là một cộng đồng tín hữu có tổ chức do Giáo hội thiết lập hoặc thừa nhận gồm những người tự nguyện cùng nhau chia sẻ một lí tưởng theo ý định của người sáng lập nhằm phục vụ cho Thiên Chúa, Giáo hội và nhân loại, trong đó các thành viên tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, có thể bằng lời khấn công, trọn đời hay lời khấn tạm thời, nhưng lặp lại lời khấn khi hết hạn theo luật riêng, cũng có thể không có lời khấn công, song họ sống chung với nhau trong tình huynh đệ ở nhà dòng, hoặc sống giữa đời thường.

2. Nguồn gốc ra đời và sự phát triển của dòng tu Công giáo

Đời sống tu trì đã xuất hiện từ khá sớm, ngay từ thời Cựu ước đã thấy các ngôn sứ[9] như Êlia, Elisco có một số đệ tử quây quần bên họ, chia sẻ với họ nếp sống khổ hạnh cũng như đạo đức và rao giảng lời Chúa. Vào thời Chúa Giêsu, có nhóm tu sĩ Esseniano ở Qumran, có lẽ thánh Gioan Tẩy Giả xuất thân từ đó[10]. Đời sống tu trì Kitô giáo có nguồn gốc từ Tin mừng với việc một số tín đồ muốn sống noi theo cuộc đời của Chúa Giêsu. *Hiến chế Tín lí về Giáo hội* của Công đồng Vatican II (1962-1965) nêu rõ: "Bậc sống tu trì bắt chước cách chính xác hơn và thực hiện liên tục trong Giáo hội nếp sống Con Thiên Chúa đã nhận khi Người xuống thế để thi hành thánh ý Chúa Cha và cũng là nếp sống Người đã đề ra cho các môn đệ theo Người"[11]. Theo gương Chúa Giêsu, các thánh tông đồ đã nhiệt tình hoạt động truyền đạo bất chấp cả mạng sống của mình trước sự bách hại của chính quyền La Mã đương thời. Chính cuộc đời của Chúa Giêsu và các thánh tông đồ trong việc rao giảng Tin mừng là tấm gương cho một số Kitô hữu noi theo, dần dần hình thành nên lối sống tu trì Công giáo.

Mầm mống đời sống tu trì Công giáo xuất hiện ngay trong lòng các cộng đoàn Kitô giáo sơ kì. Theo Kinh Tân ước, từ thời các thánh tông đồ đã có một số tín hữu nam nữ tự nguyện sống độc thân, không có tài sản, nhưng họ vẫn ở cùng cộng đoàn. Trong thư gửi tín đồ ở Côrintô, tông đồ Phaolô đã nhắc đến các trinh nữ[12]. Ngoài ra, còn có các bà góa sống một mình hoặc thành nhóm để đọc kinh cầu nguyện, làm việc bác ái, chuẩn bị cho các tân tòng chịu phép rửa tội, dạy thiếu nữ cách sống đạo và làm việc bác ái[13]. Bên cạnh các trinh nữ, các bà hóa còn có các tín hữu nam giới sống độc thân trong cộng đoàn. Thậm chí có những trinh nữ sống chung với những người nam độc thân nên bị các tín đồ dị nghị. Vì vậy, thánh Phaolô đã phải viết thư phê phán và nhắc nhở họ[14].

Sau thời các thánh tông đồ, lối sống độc thân ngày càng phổ biến, nhưng các trinh nữ, góa phụ hay nam độc thân vẫn ở với cộng đoàn. Từ thế kỉ III, để củng cố đức tin cho tín đồ và tránh sự truy lùng, bách hại của chính quyền La Mã, một số người vào sa mạc, xa lánh xã hội, sống cuộc đời khổ hạnh. Vào thế kỉ IV, ở Ai Cập xuất hiện lối sống ẩn tu theo cộng

đoàn ở sa mạc, trong rừng vắng, xa lánh cuộc sống nơi thành thị, nhưng mỗi tu sĩ vẫn ở một căn lều biệt lập và chưa có luật dòng thành văn. Công việc chính của họ là đọc sách Thánh, hãm mình để cầu nguyện và thực hành niềm tin Kitô giáo. Từ Ai Cập, lối sống ẩn tu lan sang vùng Palestin, Syria, Tiểu Á, rồi tràn vào Châu Âu. Tại Châu Âu, nhà dòng đầu tiên dưới dạng đan viện (tu kín hay khổ tu) do tu sĩ Bênêdictô (480-547) lập năm 520 ở Italia, còn gọi là dòng Biển Đức. Sự ra đời của dòng Biển Đức đã chính thức đưa các tu sĩ sống độc thân theo từng cá nhân vào cuộc sống tập thể (tu đoàn), mở đầu cho thời kì chủ nghĩa tu viện Kitô giáo(15).

Trải qua nhiều thế kỉ, cùng với sự thay đổi của xã hội và giáo hội, đời sống tu trì cũng có sự chuyển biến. Từ cuộc sống đan tu nơi rừng vắng chuyển sang kết hợp với các hoạt động xã hội rộng rãi để truyền giáo phát triển đạo. Cùng với các nhà tu "khổ hạnh" của nam giới, hình thức tu trì của nữ giới cũng xuất hiện, nhưng do thân phận là nữ, họ không thích hợp với việc rời bỏ thành thị lên rừng, vào sa mạc nên phải ở lại thành thị. Trong khi nam tu sĩ có những hình thức tu trì hoạt động ra ngoài xã hội, đi rao giảng Tin Mừng thì luật chung của Giáo hội thời đó lại không cho phép nữ tu rời khỏi đan viện để làm việc bác ái xã hội. Mãi đến đầu thế kỉ XX, Giáo hội mới công nhận hoạt động tông đồ của các nữ tu là chính đáng(16).

Trong các thế kỉ X-XII, do các đan viện ngày càng bị thế quyền chi phối, nhất là lối sống thế tục xâm nhập vào đời sống tu trì làm cho dòng tu không còn giữ được khuôn phép theo tinh thần ban đầu của người sáng lập nữa. Vì vậy, tu sĩ Odon Cluny (879-942), đã tiến hành cải tổ lại dòng tu, từ các đan viện tồn tại độc lập, tự trị, tách biệt được liên kết với nhau, có hệ thống tổ chức chặt chẽ dưới sự điều hành trực tiếp của đan viện mẹ. Năm 932, Giáo hoàng Gioan XI ra tông huấn ban đặc ân "miễn trừ", nghĩa là các đan sĩ phục tùng quyền của Giáo hoàng chứ không phục tùng các giám mục địa phương. Đây là hình thức tập quyền đầu tiên trong đời sống tu trì Công giáo(17). Năm 1098, tu sĩ Robertô Molesme tiến hành cuộc cải cách dòng tu, lập ra đan viện mới tại đồi Citeaux ở Pháp (quen gọi là dòng Xitô), tách khỏi dòng Biển Đức thành một dòng độc lập(18). Các tu sĩ dòng Xitô vẫn giữ luật dòng Biển Đức, duy trì lối sống ẩn tu chiêm niệm nhưng có một số thay đổi cho phù hợp với điều kiện xã hội và Giáo hội. Thay vì quyền lực tập trung về một nhà mẹ (nhà dòng) đã hình thành các đan viện tự trị, độc lập nhưng liên kết với nhau bằng bản luật dòng chung. Hằng năm các viện phụ gặp gỡ nhau qua các tổng hội (tu nghị hay đại hội của dòng tu) để thảo luận những vấn đề chung về đường hướng hoạt động. Mặt khác, các tu sĩ bắt đầu chịu chức thánh (phó tế, linh mục, giám mục) để tham gia công tác mục vụ. Đồng thời, các giáo sĩ cũng tham gia vào dòng tu, từ đó hình thành các dòng tu giáo sĩ(19). Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu của xã hội thời kì này đã xuất hiện một số dòng tu Công giáo mới. Một số dòng ra đời làm việc bác ái, chăm sóc người bệnh tật, giúp đỡ những người di cư, hành hương; có dòng lập ra để cứu giúp các tín hữu bị bắt làm nô lệ; có dòng lập ra phục vụ cho các cuộc Thập tự chinh, gọi là dòng ***Hiệp sỹ***, như dòng Bệnh viện thánh An Tôn (1095), dòng Malta (1099), dòng Đền Thờ (1118), dòng Bệnh viện Chúa Thánh thần (1180), dòng Đức Bà Cứu Chuộc kẻ làm tôi (1192), dòng Chúa Ba Ngôi (1198)(20), v.v…

Các đan viện có vai trò quan trọng đối với xã hội nông nghiệp, nhất là trong việc

"điều chỉnh", "củng cố" kỉ cương Giáo hội, là lực lượng nòng cốt bảo vệ thành trì của Giáo hội và là đội quân chủ lực trong cuộc "mở rộng Nước Chúa". Nhưng khi kinh tế công thương nghiệp phát triển, thành thị ra đời, nhiều trường đại học mọc lên đòi hỏi những yêu cầu mới trong đời sống tu trì. Những đan viện theo lối sống "vĩnh cư" (cố định) trong nhà dòng, ở nông thôn hay nơi rừng vắng không còn phù hợp với điều kiện xã hội mới. Vì vậy, từ thế kỉ XIII, ở Châu Âu đã xuất hiện các hình thức tu tập mới ở đô thị nơi đông người, hay vùng nông thôn chuyên hoạt động tông đồ truyền giáo phát triển đạo, bảo vệ đức tin và hoạt động xã hội từ thiện ra ngoài tu viện. Đó là các loại *dòng khất sĩ* hay *dòng hành khất,* như dòng *Anh em Hèn mọn* (quen gọi là dòng Phan Sinh) do giáo sĩ Phanxicô Assisi (1182-1226), người Italia thành lập năm 1209 tại Italia; lập dòng *Anh em Thuyết giáo* (quen gọi là Đa Minh), do giáo sĩ Dominico Guzmano (1170-1220), người Tây Ban Nha lập tại Touloue miền Nam nước Pháp năm 1216; dòng Cứu Chuộc lập năm 1222; dòng Carmello (quen gọi là dòng Cát Minh) ra đời tại Palestin năm 1226; dòng Chúa Ba Ngôi; dòng Tôi tớ Đức Bà lập năm 1233; dòng Bệnh viện Gioan Thiên Chúa lập năm 1237; dòng Augustino (quen gọi là dòng Âutinh) ra đời năm 1256[21]. Ngoài các dòng hành khất dành cho nam giới (dòng Nhất), còn có dòng chiêm niệm dành cho nữ giới (dòng Nhì), như dòng Nhì Đa Minh lập năm 1207, dòng Nhì Phan Sinh lập năm 1212 và dòng dành cho giáo dân (dòng Ba), như dòng Ba Phan Sinh lập năm 1221, dòng Ba Đa Minh lập năm 1286, dòng Ba Augustinô lập năm1399, dòng Ba Cát Minh lập năm 1452[22], v.v…

Vào thời cận đại, do những biến động về mặt xã hội và tôn giáo ở Châu Âu, dòng tu Công giáo có sự chuyển biến mạnh mẽ. Bên cạnh các dòng tu cổ truyền vẫn tồn tại, nhưng có sự cải tổ lại cho phù hợp với xã hội mới, như các dòng Augustinô, Carmelô, Phanxicô, đã xuất hiện nhiều hình thức tu tập mới. Từ đầu thế kỉ XVI, trước sự tấn công của phong trào Cải cách Tin Lành, nhiều dòng tu mới xuất hiện nhằm bảo vệ đức tin Công giáo và truyền giáo ra vùng đất ngoại. Nhiều *dòng tu giáo sĩ* (còn gọi là *tu hội giáo sĩ* hay *các giáo sĩ lề luật*) ra đời[23], như dòng Theatinô lập năm 1524, dòng Phaolô tức dòng Barnabiti lập năm 1533, dòng Somasca lập năm 1540, đặc biệt dòng Chúa Giêsu (tức dòng Tên) do Ignace de Loyola người Tây Ban Nha lập năm 1540[24]; dòng Chúa Cứu Thế lập năm 1733[25]. Mặt khác, các hội dòng chuyên biệt hoạt động truyền giáo trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, làm việc bác ái, từ thiện xã hội cũng ra đời, như dòng Bệnh viện hay dòng Trợ thế, tức dòng *Trợ thế Gioan Thiên Chúa* lập tại Tây Ban Nha năm 1537; dòng Látsan do linh mục người Pháp Jean Baptiste de Lasalle lập năm 1680. Nhiều dòng nữ tu chuyên biệt cũng được thành lập, như dòng nữ thánh Phaolô lập năm 1535; dòng kín Carmel (Cát Minh) lập năm 1562 tại Tây Ban Nha; dòng Chúa Giêsu Hài Đồng lập tại Pháp năm 1667; dòng Đức Bà lập tại Pháp năm 1697; dòng nữ tu thánh Phaolô thành Chartres lập tại Pháp năm 1698; dòng Chúa Quan Phòng lập năm 1762[26]. Đặc biệt các *tu đoàn tông đồ* ra đời, quy tụ các giáo sĩ chuyên hoạt động vào một lĩnh vực giáo dục, đào tạo linh mục, giữ trẻ, giúp đỡ người nghèo, quản đạo, truyền giáo phát triển đạo, nhưng họ lại không muốn bị ràng buộc bởi lời khấn dòng. Tiêu biểu như tu đoàn Thánh Vinh Sơn (Lazarist) lập năm 1625 tại Pháp; Tu đoàn Nữ tử Bác ái Vinh Sơn lập năm 1633 tại Pháp; Tu đoàn linh mục Xuân Bích lập tại Pháp năm

1641; Hội Thừa sai Nước ngoài Paris (MEP) ra đời năm 1663[27].

Cuối thế kỉ XVIII, do tác động các cuộc cách mạng tư sản, đặc biệt Cách mạng Tư sản Pháp, nhiều dòng tu bị giải thể, nhưng sau đó lại được tái lập, như dòng Tên bị giải thể năm 1773, tái lập năm 1818; dòng Đa Minh bị trục xuất khỏi Pháp năm 1790, lập lại năm 1839; dòng Nữ tử Bác ái được hoạt động trở lại năm 1807. Thế kỉ XIX là thời kì bùng nổ các dòng tu truyền giáo, như dòng Salêdiêng Don Bosco lập tại Italia năm 1841; dòng Linh mục Thánh thể lập tại Pháp năm 1856[28]. Ngoài Pháp, nhiều tu hội truyền giáo được thành lập tại các nước khác, như Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hoa Kỳ, Canađa[29], v.v... Bên cạnh các dòng nam, xuất hiện rất nhiều dòng nữ tu hoạt động truyền giáo trong lĩnh vực bác ái xã hội, giáo dục, y tế, như dòng Đấng Chăn lành lập năm 1835; dòng Tiểu muội của người nghèo lập năm 1840; Tu hội Chị em Đấng Cứu chuộc lập năm 1849; dòng Nữ tử Đức Bà truyền giáo lập năm 1861; dòng Nữ tu Thánh Phaolô Thiện Bản lập năm 1873; dòng Nữ tu Phan Sinh Thừa sai Đức Maria lập năm 1877; dòng nữ Salêdiêng lập năm 1881. Các dòng tu có xu hướng liên kết trở thành các dòng lớn có hệ thống quốc tế đặt dưới sự điều kiển của Giáo triều Rôma. Năm 1850, Giáo hoàng Piô IX chính thức đặt bề trên tổng quyền cho dòng Đa Minh. Năm 1892, dòng Xitô cải cách được hợp nhất với 64 nhà dòng. Năm 1893, Giáo hoàng Lêô XIII thống nhất dòng Biển Đức thành 14 tỉnh dòng. Năm 1897, bốn ngành Phan Sinh thống nhất lấy tên là Dòng Anh em Hèn mọn[30]. Nhìn chung, thế kỉ XIX được xem là thời kì "sản xuất các dòng tu", đặc biệt các dòng truyền giáo hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, bác ái xã hội. Nét mới của các dòng tu ra đời thời kì này là từng bước thoát khỏi sự bảo trợ của các quốc gia tư bản Phương Tây, đặt dưới sự quản lí của giáo quyền.

Thế kỉ XX, các dòng tu Công giáo có sự chuyển biến quan trọng, cùng với các hội dòng, các tu đoàn tông đồ truyền giáo tiếp tục phát triển, đã xuất hiện loại tổ chức tu trì mới có khả năng thích ứng hơn với xã hội hiện đại. Ngày 8/12/1900, Giáo hoàng Lêô XIII ban hành Tông huấn *Condiae a Christo* chính thức thừa nhận hoạt động tông đồ của nữ tu[31]. Điều này đã tạo điều kiện cho các dòng nữ tu truyền giáo và hoạt động xã hội ra đời, như dòng Nữ Biển Đức thánh Batilda (1921); dòng Nữ tu Y viện Truyền giáo lập tại Hoa Kỳ (1925); dòng Tiểu muội Chúa Giêsu (1939); dòng Thừa sai Bác ái do nữ tu Terêsa lập tại Calcutta, Ấn Độ (1950); dòng Nữ lao động truyền giáo (1950)[32]. Sau Công đồng Vatican II (1962-1965), vai trò của nữ tu càng được đề cao nhằm củng cố đức tin, giữ đạo, sống đạo và phát triển đạo trong thế giới hiện đại.

Từ đầu thế kỉ XX, xuất hiện một hình thức tu trì mới, đó là các tổ chức tu hội đời. Đây là hình thức theo kiểu "tu tại gia", các thành viên vẫn giữ ba lời khuyên Phúc Âm, nhưng họ không sống thành cộng đoàn trong tu viện, không có cơ sở dòng, mà họ ở giữa đời thường theo nghề nghiệp của mình và không có tu phục riêng. Hình thức tu trì này khá phù hợp với lối sống hiện đại nên phát triển rất nhanh. Thực ra, tu hội đời đã manh nha xuất hiện từ thế kỉ XVI khi bà Angela tập hợp một số phụ nữ khấn trinh tiết chuyên vào giáo dục và không mang áo dòng. Tuy nhiên, điều này bị coi là quá táo bạo với thời đó nên đã bị buộc mặc áo dòng và trở thành dòng tu kín. Trong Cách mạng Tư sản Pháp, trước tình trạng các dòng tu bị giải thể, tu sĩ bị buộc hoàn tục,

linh mục Pierre Joseph Picot de Clorivière lập Hội các linh mục Thánh tâm Chúa Giêsu cho nam giới và Hội con cái Trái tim Đức Mẹ cho nữ. Từ thế kỉ XIX, trước xu thế thế tục hóa diễn ra mạnh mẽ ở Châu Âu, nhiều tổ chức tu hội đời ra đời nhằm hoạt động tông đồ giữa đời thường, nhưng chưa được Giáo hội thừa nhận(33). Từ đầu thế kỉ XX, do những yêu cầu mới của xã hội, các tu hội đời mới chính thức được giáo quyền thừa nhận. Tu hội đời xuất hiện đầu tiên tại Tây Ban Nha (1928) với tên gọi Opus Dei (Công việc của Thiên Chúa), gồm hai ngành nam và nữ, có mục đích truyền giáo trong giới trí thức. Tiếp đó, Hội nữ tá Quốc tế Công giáo lập tại Bỉ năm 1937; Tu hội Nữ nô tì Chúa Giêsu và Mẹ Maria (sau đổi thành Tu hội Hiện diện và sống) lập tại Pháp năm 1947(34). Ngày 11 tháng 2 năm 1947, Giáo hoàng Piô XII ban hành tông huấn *Provida Mater Ecclesia* chính thức thừa nhận các tổ chức tu hội đời là một thành phần nằm trong cơ cấu của đời sống tu trì. Theo thống kê của Tòa Thánh, năm 1992, có 163 tu hội đời trên toàn thế giới (42 nam, 97 nữ; 53 thuộc quyền Tòa Thánh và 110 thuộc quyền giáo phận)(35).

Sau Công đồng Vatican II (1962-1965), các dòng tu được canh tân theo hướng thích nghi với thời đại để hội nhập vào xã hội trần thế. *Hiến chế Tín lí về Giáo hội* của Công đồng khẳng định: "Ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, giáo quyền đón nhận những luật dòng do những nam nữ sáng lập viên lỗi lạc đề nghị và chính thức phê chuẩn sau khi tu chỉnh. Rồi với quyền bính của mình, giáo phẩm luôn có mặt để săn sóc và bảo trợ những dòng tu được thiết lập khắp nơi nhằm xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô để các dòng tu ấy phát triển và sinh hoa kết quả theo tinh thần của các thánh sáng lập"(36). Trong khi các hình thức tu trì dưới dạng đan tu khổ hạnh có phần suy giảm thì các hình thức tu trì vươn khỏi khuôn viên nhà dòng ra ngoài xã hội, nhất là các dòng nữ tu và tu hội đời lại phát triển khá mạnh. Theo *Niên giám Tòa Thánh* năm 1998, trên thế giới có 141.437 linh mục dòng (trong tổng số 404.336 linh mục), 58.967 tu sĩ nam và 828.660 nữ tu với khoảng 1.300 dòng nữ, 300 dòng tu nam thuộc quyền Tòa Thánh. Ngoài ra còn có hàng chục ngàn dòng tu thuộc quyền giáo phận(37).

3. Loại hình tổ chức tu trì

Dòng tu Công giáo rất đa dạng và phong phú, do đó việc phân loại chỉ mang tính tương đối mà thôi. Dựa vào nguyên tắc tổ chức, có thể chia dòng tu thành hai loại: *dòng Tòa Thánh* và *dòng địa phận*. Dòng tu được hình thành do ý tưởng của người sáng lập để thực thi một nhiệm vụ nào đó của Kitô giáo, nhưng phải được giáo quyền thừa nhận. Nói cách khác, dòng tu được hình thành do ý muốn của người sáng lập, nhưng phải xin phép và được giáo quyền chuẩn nhận. Theo giáo luật, hai cấp có thẩm quyền thiết lập hay thừa nhận dòng tu, đó là Tòa Thánh và giám mục giáo phận. Điều 589 Giáo luật 1983 quy định: "Một tu hội thánh hiến được coi là thuộc luật Giáo hoàng, nếu đã được Tông Tòa thành lập hay phê chuẩn bằng một sắc lệnh chính thức; nhưng một tu hội thánh hiến được coi là thuộc luật giáo phận, nếu đã được giám mục giáo phận thành lập mà không có sắc lệnh phê chuẩn của Tông Tòa"(38). Như vậy, những dòng tu do Giáo hoàng hoặc cơ quan Tòa Thánh thiết lập hay phê chuẩn gọi là *dòng theo quy chế Toà Thánh* hoặc *dòng Tòa Thánh* hay *dòng Giáo hoàng*. Những dòng tu do giám mục giáo phận thiết lập hoặc thừa nhận gọi là *dòng theo quy chế giáo phận* hoặc *dòng giáo phận*.

Những *dòng tu theo quy chế Toà Thánh*, do Giáo hoàng hoặc một cơ quan có thẩm quyền của Toà Thánh (Bộ Tu sĩ hoặc Bộ Truyền giáo) thiết lập, giải thể, kiểm soát và điều hành. Giáo hoàng có thể thành lập một dòng tu đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của mình hoặc do một đại diện của Giáo hoàng. Những dòng tu do các cơ quan Tòa Thánh như Bộ Truyền giáo (ở những xứ truyền giáo) hoặc do Bộ Tu sĩ thiết lập đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Toà Thánh. Các cơ quan này có quyền can thiệp vào các dòng tu đó bằng cách ban hành huấn dụ, nghị định, phê duyệt luật dòng, thanh tra, xét xử các vụ kiện trọng, v.v… Dòng Toà Thánh có hai loại: dòng *miễn trừ* và dòng *không miễn trừ*. Dòng *có quyền miễn trừ,* là những dòng không chịu sự quản lí, giám sát của giám mục giáo phận nơi mà dòng tu đó hoạt động. Nghĩa là giám mục giáo phận không được can thiệp vào công việc nội bộ của dòng, như việc tuyển chọn bề trên dòng, kiểm soát tài chính, kinh lí các tu viện, như các dòng Biển Đức, Xitô, Phan Sinh, Đa Minh, Augustinô, Cát Minh, Chúa Cứu Thế, dòng Tên, v.v... Giáo luật năm 1983 bãi bỏ sự giám sát của giám mục giáo phận đối với việc bầu cử bề trên cả của các dòng nữ tu thuộc thẩm quyền Toà Thánh hoạt động trong giáo phận của mình. Dòng *không có quyền miễn trừ* là những dòng ngoài sự quản lí của Tòa Thánh còn phải chịu sự kiểm soát của giám mục giáo phận nơi dòng đó hoạt động, như Tu đoàn Thánh Vinh Sơn, tu đoàn Xuân Bích, Hội Thừa sai Paris, Tu đoàn Nữ tử Bác ái Thánh Vinh Sơn, v.v... Tuy nhiên, mọi tu sĩ thuộc các dòng Toà Thánh, kể cả các dòng có quyền miễn trừ đều phải chịu quản lí, giám sát của giám mục giáo phận về các việc như chăm sóc xứ, họ đạo, giảng huấn, giáo dục tôn giáo, dậy giáo lí cho giáo dân. Dòng Toà Thánh được xem là những dòng tu đã "trưởng thành", có phạm vi hoạt động rộng trên toàn thế giới.

Những *dòng tu theo quy chế giáo phận*, do giám mục giáo phận thiết lập hay giải thể, phê chuẩn luật dòng, kinh lí các tu viện trong giáo phận, chủ tọa các cuộc bầu cử bề trên cả, kiểm soát hoạt động của các tu sĩ và việc chi tiêu của dòng tu. Điều 579 Giáo luật 1983 ghi: "Trong địa hạt của mình, các giám mục giáo phận có thể ban hành sắc lệnh chính thức để thành lập các tu hội thánh hiến, miễn là đã tham khảo ý kiến của Tòa Thánh"[(39)]. Dòng giáo phận được xem là những dòng tu "chưa trưởng thành", phạm vi hoạt động chỉ bó hẹp trong giáo phận đó mà thôi và chịu sự quản lí, giám sát của giám mục giáo phận, như dòng Đồng Công, dòng Thánh Tâm Huế, dòng Mến Thánh giá, dòng Nữ Đa Minh, v.v… Dòng giáo phận cũng có thể trở thành dòng giáo hoàng nếu Tòa Thánh xét thấy những dòng đó đã phát triển có đủ điều kiện, như có quy mô lớn liên quan đến nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới.

Theo tính chất hoạt động và lối sống tu trì, Giáo hội Công giáo xác định có ba hình thức tổ chức cơ bản: *dòng tu* (*tu hội dòng*), như các dòng Biển Đức, Xitô, Đa Minh, Phan Sinh, Chúa Cứu Thế, dòng Tên, dòng Chúa Quan Phòng, dòng Phaolô thành Chartres, dòng Mến Thánh giá; *tu hội đời* như tu hội Prado, tu hội Đắc Lộ, tu hội Chúa Giêsu, tu hội Dâng Truyền, tu hội Nữ lao động Thừa sai và *tu đoàn tông đồ* hay *hội tông đồ* như Hội Thừa sai nước ngoài Paris (MEP), tu đoàn truyền giáo Thánh Vinh Sơn, tu đoàn linh mục Xuân Bích, tu đoàn Giáo sĩ Nhà Chúa, Hội thừa sai Việt Nam, v.v… Dòng tu và tu hội đời được gọi là *các hội dòng tận hiến* (*hội dòng*) vì các thành viên của nó tuyên khấn hay tuyên hứa ba lời khuyên Phúc Âm, còn tu đoàn tông đồ không được gọi là tu hội vì các thành viên của nó không giữ ba lời khuyên Phúc Âm,

chủ đích của họ là làm việc tông đồ. Mỗi hình thức tổ chức tu trì đều có những đặc điểm riêng về cách thức tu tập, cơ cấu tổ chức, hoạt động khác nhau, mặc dù chúng đều có những điểm chung là hướng tới sự hoàn thiện đời sống đức tin Kitô giáo nhằm phục vụ Thiên Chúa, Giáo hội và nhân loại.

Ngoài ba hình thức tổ chức tu tập cơ bản nêu trên, Giáo hội còn đề cập tới các hình thức khác như *ẩn tu* và các *trinh nữ*. Khác với các dòng tu kín, ẩn tu là hình thức tu tập cá nhân của một hay một vài tu sĩ nào đó họp thành một nhóm nhưng không cần sự phê chuẩn lập dòng như các dòng tu kín. Họ hoàn toàn tách khỏi mọi sự giao tiếp xã hội, chuyên tâm kinh nguyện, tu đức, hãm mình trong thinh lặng ở những nơi vắng vẻ u tịch. Đây là hình thức tu trì có sớm nhất trong Giáo hội Công giáo nhưng đã bị mai một khi lối tu theo cộng đoàn phát triển. Các trinh nữ khác với các dòng kín nữ tu ở chỗ, họ phải là trinh nữ trong khi nữ tu thuộc các dòng kín có thể là đàn bà hóa hoặc là người đã có gia đình nhưng giấy giá thú (theo giáo luật) không còn hiệu lực nữa. Cũng như các ẩn sĩ, các trinh nữ phải được giám mục giáo phận hay Giáo hoàng làm lễ cung hiến cho Thiên Chúa, họ có thể sống một mình cũng có thể họp thành một nhóm nhưng không cần sự chuẩn nhận lập dòng của giáo quyền như các hội dòng hay các tu hội đời[(40)].

Ngoài ra, căn cứ vào thành phần Kitô hữu tham gia, Giáo hội phân thành dòng giáo sĩ (tức các tu sĩ có chức thánh như phó tế, linh mục, giám mục) như dòng Tên, dòng Chúa Cứu Thế và dòng giáo dân (tức là những người không có chức thánh, gồm các nữ tu, các tu sĩ không làm linh mục), như dòng Trợ thế Gioan Thiên Chúa và các dòng nữ tu. Có dòng chỉ dành cho nam giới như các dòng tu giáo sĩ, nhưng cũng có dòng chỉ có nữ giới như dòng Mến Thánh giá ở Việt Nam. Các dòng Đa Minh, Phanxicô, Cát Minh, Augustinô được phân thành ba loại, gồm dòng Nhất dành cho nam tu sĩ, dòng Nhì dành cho nữ tu sĩ và dòng Ba dành cho giáo dân.

Căn cứ vào mục đích, tính chất hoạt động, có dòng *chiêm niệm* và *dòng hoạt động tông đồ*. Những dòng tu không nhằm vào hoạt động xã hội mà chỉ chú trọng tới đời sống đức tin Kitô giáo, ít giao tiếp với xã hội trần thế, ngày đêm chăm lo kinh nguyện, hãm mình trong các đan viện u tịch được gọi là *dòng chiêm niệm* hay *dòng tu kín*, như các dòng Biển Đức, Xitô, Carmen, Tiểu muộn và Tiểu đệ Chúa Giêsu. Những dòng nhằm mục đích hoạt động vượt khỏi các tu viện ra ngoài xã hội gọi là dòng hoạt động. Loại này xuất hiện từ thế kỉ XIII và ngày càng phát triển, rất đa dạng, được lập ra với nhiều mục đích tông đồ khác nhau của Giáo hội. Các dòng lập ra chỉ để chăm sóc người nghèo hay lấy việc giáo dục hoặc bác ái từ thiện xã hội làm chủ đích,... gọi chung là các dòng hoạt động tông đồ. Các dòng chuyên hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, như Tu hội linh mục Xuân Bích, dòng Sư huynh Lasan, dòng Thánh Tâm Chúa Giêsu, dòng Anh em Hèn mọn Thánh Giuse, dòng nữ Thánh Augustinô. Các dòng chuyên hoạt động bác ái, từ thiện xã hội, như dòng Sêlêdiêng Don Bosco, dòng Thánh Gioan Thiên Chúa, dòng Chị em Chúa Quan phòng, tu đoàn Nữ tử Bác ái Thánh Vinh Sơn, dòng Nữ tu Thánh Phan Sinh. Các dòng vừa tham gia công tác giáo dục vừa hoạt động bác ái từ thiện, như dòng Đức mẹ Đồng công Cứu chuộc, dòng Nữ Thánh Phaolô, dòng Mến Thánh giá, dòng Nữ Đa Minh. Các dòng lấy việc rao giảng Tin Mừng làm tôn chỉ được mệnh danh là dòng truyền giáo, như dòng Đa Minh, dòng Phan Sinh, dòng Tên, dòng Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, sự phân chia thành các dòng

chiêm niệm và dòng hoạt động cũng chỉ có tính tương đối. Bởi vì, có dòng vừa có tính chất chiêm niệm vừa có tính chất hoạt động như dòng Đa Minh, dòng Cát Minh, dòng Phan Sinh. Có dòng vốn là dòng chiêm niệm song hiện nay lại tích cực tham gia các hoạt động truyền giáo phát triển đạo và các hoạt động xã hội khác.

Theo các nhà thần học Công giáo, việc phân chia thành các dòng giáo sĩ và giáo dân, chiêm niệm và hoạt động, truyền giáo và hoạt động tông đồ nhằm khắc họa lại cuộc đời của Chúa Giêsu khi còn tại thế. Ví như các dòng chuyên về chiêm niệm tập chú vào việc kinh nguyện, hãm mình muốn noi gương cầu nguyện của Chúa Giêsu; những dòng hoạt động tông đồ truyền giáo muốn theo gương giảng thuyết loan báo Tin mừng của Chúa Giêsu; các dòng hoạt động xã hội bác ái noi theo tấm gương tri ân với nhân loại của Chúa Giêsu, còn các tu hội đời noi theo lối sống giữa đời thường của Chúa Giêsu(41). *Hiến chế Tín lí về Giáo hội* của Công đồng Vatican II khẳng định: "Các tu sĩ phải đem hết tâm lực làm cho Giáo hội, qua con người của họ, thực sự biểu dương Chúa Kitô ngày một hoàn hảo hơn cho các tín hữu cũng như các lương dân: biểu dương Chúa Kitô đang cầu nguyện trên núi, hoặc đang loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, hoặc chữa lành những kẻ đau yếu bệnh tật, hay hoán cải các tội nhân trở lại đời sống phong phú, hoặc đang chúc phúc cho trẻ em, ban ơn cho mọi người và trong mọi sự luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến"(42).

Sự đa dạng của dòng tu Công giáo xuất phát từ những nhu cầu thực tế của xã hội và Giáo hội, nhất là do bản thân "mỗi tu sĩ có những khả năng, xu hướng, tiềm lực khác nhau nên họ được "mời gọi" thể hiện đời tận hiến dưới những dạng và nếp sống khác nhau"(43). Cũng có trường hợp đang "tận hiến" cho dòng này nhưng trong "ơn gọi" của Chúa Thánh Thần lại thích hợp với dòng khác. Chính sự khác biệt về tôn chỉ, mục đích của các dòng tu đã phần nào nói lên "ơn gọi" đa dạng của dòng tu Công giáo. Ngoài ra, sự đa dạng của dòng tu còn do sự đòi buộc muôn màu của đời sống xã hội mà Giáo hội muốn loan báo Tin Mừng. *Sắc lệnh về canh tân thích nghi dòng tu* của Công đồng Vatican II nêu rõ: "Cách sống, cầu nguyện và hoạt động tuỳ theo tính chất của mỗi dòng để thích ứng với hiện trạng thể lí và tâm lí của tu sĩ; cũng như với nhu cầu tông đồ, những đòi hỏi văn hóa, những hoàn cảnh xã hội và kinh tế ở khắp mọi nơi, nhất là trong các xứ truyền giáo"(44). Đồng thời nó còn do nhu cầu truyền giáo "mở rộng Nước Chúa" của đạo Công giáo ra ngoài xã hội trần thế. *Hiến chế Tín lí về Giáo hội* của Công đồng Vatican II khẳng định: "Thiên Chúa kêu gọi một số Kitô hữu ở hai bậc giáo sĩ và giáo dân đến hưởng lấy ân huệ đặc biệt này trong đời sống Giáo hội, tức là bậc sống tu trì, và mỗi người một cách, đều góp phần vào sứ mạng cứu độ của Giáo hội"(45). Điều 577 Giáo luật 1983 viết: "Trong Giáo hội có rất nhiều tu hội thánh hiến, với những hồng ân khác nhau tùy theo ân sủng đã được ban cho tu hội: thật vậy, các tu hội theo sát Đức Kitô cầu nguyện, hoặc loan báo Nước Thiên Chúa, hoặc tri ân cho người ta, hoặc sống với người ta giữa trần gian, nhưng luôn luôn làm trọn ý của Chúa Cha"(46).

Sự đa dạng các hình thức tổ chức tu trì trong Giáo hội Công giáo, một mặt đáp ứng nhu cầu và khả năng của mỗi tín hữu, nhưng mặt khác nhằm đáp ứng được mục tiêu tối hậu của Kitô giáo là làm cho Nước Chúa bám rễ ăn sâu vào đời sống xã hội trần thế.

(*Kì sau đăng tiếp*)

Chú thích:

1. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, Rôma, 1995, tr.348 và tập 4, tr.566.

2. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2007, tr.207.

3. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, tr.239.

4. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.793.

5. Điều 713 Giáo luật năm 1983 quy định: "Các thành viên của tu hội này (tức tu hội đời-NPL) diễn tả và thể hiện sự thánh hiến của mình trong hoạt động tông đồ, và tựa như men, họ cố gắng làm cho mọi sự được thấm nhuần tinh thần Phúc Âm, để củng cố và phát triển Thân Mình Đức Kitô. Các thành viên giáo dân tham gia vào nhiệm vụ rao truyền Phúc Âm của Giáo Hội, giữa thế giới và từ thế giới, bằng chứng tá của đời sống Kitô giáo và của lòng trung thành với sự thánh hiến của họ, hoặc bằng sự giúp đỡ của họ để quy hướng các thực tại trần thế theo ý Thiên Chúa và để làm cho sức mạnh của Phúc Âm thấm nhập vào thế giới. Họ cũng cộng tác vào cộng đoàn Giáo hội theo lối sống trần thế riêng của họ"

6. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, tr.245.

7. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.805.

8. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.372.

9.Theo quan niệm thần học Kitô giáo, *ngôn sứ* là người được Thiên Chúa sai đến để thay mặt Ngài truyền giảng lời Chúa đến với con người. Người Do Thái giáo và người Kitô giáo tin vào lời tiên tri ấy, vì theo họ: "Đức Chúa Trời đã đặt lời Ngài vào môi miệng các vị ấy". Sứ mạng của các ngôn sứ là làm cho dân chúng nhận thấy lỗi lầm của mình, kêu gọi họ trung thành với giao ước, hoặc răn đe, khuyên bảo, loan báo hình phạt và ơn cứu độ.

10. Gioan Tẩy Giả (đạo Tin Lành gọi là Giăng Báp-tít) là nhà tu hành khổ hạnh, ông "mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da, ăn châu chấu và mật ong rừng" (Mc 1.6). Theo Kinh Thánh, chính Gioan Tẩy Giả là người đã rửa tội cho Chúa Giêsu trên dòng sông Giooćđan và giới thiệu Giêsu là người được Thiên Chúa sai đến cho nhân loại.

11. Công đồng chung Vaticanô II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn*, Phân khoa Thần học Giáo hoàng học viện Thánh Piô X, Đà Lạt, 1972, tr.225.

12. Trong thư này Phaolô viết: "Đàn bà không có chồng và các trinh nữ thì chuyên lo việc Chúa, để thuộc trọn về Người cả hồn lẫn xác" (1Cr 7.34).

13. Trong thư gửi ông Timôthê, tông đồ Phaolô cho biết: "Các bà góa đích thực, sống một thân một mình, thì đã đặt hi vọng vào Thiên Chúa và ngày đêm kiên trì đọc kinh cầu nguyện" (1Tm 5.5). Còn nếu ai: "Muốn ghi tên vào sổ các bà góa, phải có điều kiện sau: ít nhất sáu mươi tuổi, chỉ có một đời chồng, được chứng nhận là đã làm việc thiện, nghĩa là nuôi nấng dạy dỗ con cái, đã tỏ ra hiếu khách, đã rửa chân cho các người trong dân thánh, giúp đỡ người gặp gian truân, siêng năng làm mọi việc lành. Còn các bà góa trẻ, anh đừng ghi vào sổ; vì khi dục vọng làm cho họ xa lìa Đức Kitô, thì họ muốn tái giá, và như vậy là mang lấy án phạt, bởi đã không giữ lời cam kết ban đầu với Đức Kitô" (1Tm 5.9-12).

14. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.351.

15. Thực ra, lối sống cộng đoàn đã được Pacômio (288-346), tổ chức theo các làng ở vùng Tiểu Á, nhưng chưa quy củ như dòng Biển Đức. Các tu sĩ dòng Biển Đức sống chung trong nhà dòng, gọi là đan viện, còn tu sĩ được gọi là đan sĩ. Các đan sĩ sống trong đan viện theo luật dòng rất chặt chẽ, dưới sự cai quản của một viện phụ (bề trên), chuyên tâm vào chiêm niệm, hãm mình, kinh nguyện, đọc sách Thánh, lao động chân tay, nghiên cứu thần học và phụng vụ, không ra khỏi nhà dòng nên gọi là dòng tu kín. Ban đầu, các đan viện được xem như một trường học, tồn tại một cách độc lập tách biệt nhau, các đan sĩ học hỏi theo Chúa Giêsu và phục vụ Thiên Chúa, dưới sự hướng dẫn của Viện phụ (đan viện trưởng). Hình thức tu tập này phát triển mạnh mẽ ra khắp Châu Âu và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt của đời sống xã hội đương thời.

16. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.363.

17. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.358.

18. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển I, Sđd, tr.267.

19. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.358.

20. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.360.

21. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển I, tr.370-374 và Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.362.

22. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.813.

23. Loại dòng này thu nạp các giáo sĩ chuyên về công tác mục vụ của chức linh mục, như giảng dạy, linh hướng, coi sóc xứ đạo, nhưng có lời khấn dòng (mặc dù họ bỏ nếp sống đan tu), mục tiêu của các dòng này là hoạt động tông đồ coi đó như một phương thế để nên thánh. Ví như các giáo sĩ dòng Tên tuyên thệ không hướng tới chức vụ Giám mục, không cung nguyện, không có áo dòng riêng. Ngoài ba lời khấn Phúc Âm, họ có lời khấn thứ tư là tuyệt đối vâng phục Giáo hoàng và trình bề trên khi bị bắt làm giám mục. Tất cả quyền hành đều tập trung vào vị bề trên Tổng quyền, mọi chức vụ đều do trung ương chỉ định không qua bầu cử. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, tr.73.

24. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.366.

25. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, Sđd, tr.126, 186-187.

26. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam-Niên giám 2004*, Nxb Tôn giáo, HN, 2004, tr.359-371.

27. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam-Niên giám 2004*, Sđd, tr.348-351.

28. Ngoài ra còn có dòng Thánh tâm Chúa và Mẹ (1800); dòng Thừa sai Oblat (1816); Tu hội Marist (1816); dòng Thánh Tâm vô nhiễm Đức Maria (1841), năm 1848 thống nhất với dòng Chúa Thánh thần (lập năm 1703); Hội Thừa sai Châu Phi (Lyon) (1856); dòng Thừa sai Thánh tâm vô nhiễm Đức Maria (1862); Tu hội Thừa sai Hải ngoại Thánh Giuse (1866); dòng Cha Trắng (1868); Tu hội Verbit (Ngôi Lời) (1875); dòng Maria Hill lập tại Hà Lan (1880); Hội Thừa sai Bêlem lập tại Thụy Sỹ (1895); Tu hội Chúa Cứu chuộc do linh mục Jordan người Đức lập năm 1881 tại Rôma, v.v...

29. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, tr.282.

30. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, tr.231-233, 281-282 và 299-301.

31. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.367.

32. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, tr.231-233 và 283-284.

33. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.791.

34. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II, tr.283-284.

35. Phan Tấn Thành: *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 3, tr.368-369.

36. Công đồng chung Vaticanô II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn*, tr.226-227.

37. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam-Niên giám 2004*, sđd, tr.40.

38. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, tr.203.

39. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, tr.200.

40. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.808-812.

41. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa, Giải thích quyển II Giáo luật,* tập 4, tr.564.

42. Công đồng chung Vaticanô II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.228.

43. *Nữ tu thành phố Hồ Chí Minh (1975-1989)*. UBĐKCGVN Tp Hồ Chí Minh, tr.24.

44. Công đồng chung Vaticanô II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp*, tr.380.

45. Công đồng chung Vaticanô II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn, Sứ điệp,* tr.224.

46. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, Sđd, tr.200.